

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hành và ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Trang Nhung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 08/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-TCDS ngày 29/4/2025 và Thông báo hoãn phiên tòa số 476/TB –TA ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L1 (L2). Địa chỉ: LPB T, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc L2-Chi nhánh Q (thực hiện theo Quyết định số 636/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP L1 về việc ủy quyền đối với Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Phòng giao dịch. Địa chỉ: Số F T, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Trần Duy H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần L1 – Chi nhánh Q. Địa chỉ: Số F T, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. (Theo giấy ủy quyền số 900/2024/UQ-QB ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần L1 – Chi nhánh Q). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Đều có địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Hữu D. Đều có địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2024 các bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, phía nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 30/11/2023, L2 – Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457 với ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Tổng số tiền cấp tín dụng là 3.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn). Ngày 30/11/2023, L2 đã giải ngân cho ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023 số tiền là: 3.300.000.000 đồng. Tổng số tiền L2 – Chi nhánh Q đã giải ngân ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457 ngày 30/11/2023 tổng số tiền là 3.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn) theo đúng yêu cầu của ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 và phù hợp với Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay 240 tháng, lãi suất cho vay: 10,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận 10%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua sắm nội thất, trang thiết bị tại nhà.

Để bảo đảm khoản vay, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 đã thế chấp tài sản sau:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022, số công chứng 5813, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD đã được công chứng tại Văn phòng C1, địa chỉ số A đường P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 22/06/2022. (Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023) và tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 450, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, sổ vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và ông Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022, số công chứng 5812, quyển số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD đã được công chứng tại Văn phòng C1, địa chỉ số A đường P, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 22/06/2022. (Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023) và tài sản đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ phát sinh. Các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/05/2024. L2 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 trả nợ nhưng ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 30/5/2025, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 mới chỉ thanh toán cho L2 số tiền là 0 đồng và còn nợ L2 số tiền là: 3.810.914.682 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm mười triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng), bao gồm: Nợ gốc: 3.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 481.827.125 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.579.813 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 25.507.744 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 để yêu cầu trả nợ nhưng bên vay không thực hiện và cố tình chây ì không hợp tác. L2 đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng theo đúng quy định.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên Ngân hàng thương mại cổ phần L1 kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình thụ lý vụ án và xem xét giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn: Buộc bên vay là ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng cùng Khế ước nhận nợ đính kèm đã ký giữa hai bên với số tiền tính đến hết ngày 30/5/2025 là 3.810.914.682 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm mười triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng), bao gồm: Nợ gốc: 3.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 481.827.125 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.579.813 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 25.507.744 đồng

Buộc Bên vay là ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 số tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng cùng khế ước nhận nợ đính kèm đã ký kể từ ngày 01/6/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho L2, thì đề nghị Tòa án tuyên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1, tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022, số công chứng 5813, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 450, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, số vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và ông Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022, số công chứng 5812, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 đối với L2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho L2.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng L1 vào ngày 30/11/2023 để vay vốn số tiền 3.300.000 đồng với các

nội dung và lãi suất, thời hạn vay như hợp đồng đã ký kết, ngân hàng đã giải ngân đủ cho vợ chồng bà. Để đảm bảo khoản vay vợ chồng bà đã thế chấp 02 thửa đất là thửa đất số 400 và 450 tờ bản đồ số 9 tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng bà luôn nghiêm túc để thanh toán khoản nợ. Đến tháng 5/2024 gia đình bà làm ăn thất thoát, khó khăn nên không đủ điều kiện để trả lãi ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện vợ chồng bà, bà xin ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng bà thêm thời gian để sắp xếp trả nợ đầy đủ. Hiện nay chồng bà đang đi biển xa vẫn biết được sự việc ngân hàng khởi kiện, nhưng chưa vào kịp nên chưa sắp xếp thời gian lên Tòa án được, chúng tôi sẽ cố gắng sắp xếp để có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không có mặt để trình bày ý kiến về việc Ngân hàng thương mại cổ phần L1 khởi kiện. Do đó, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh và niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày: Ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 làm mái và xây hàng rào lấn chiếm sang đất của gia đình bà, bà đề nghị ông V và bà H1 giải phóng mặt bằng tháo dỡ toàn bộ tài sản lấn chiếm trả lại hiện trạng cho gia đình.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tổ chức hòa giải cho các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án, tuy nhiên bị đơn không đến phiên tòa nên không hòa giải và giải quyết toàn bộ vụ án nên việc hòa giải không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 292, 293, 298, 299, 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L1. Buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 đến ngày 30/5/2025 số tiền là 3.810.914.682 đồng (Ba tỷ tám trăm mười triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 481.827.125 đồng (Bốn trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 3.579.813 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm mười ba đồng), nợ lãi chậm trả lãi 25.507.744 đồng (Hai

mười lăm triệu năm trăm linh bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng) theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 thì Ngân hàng thương mại cổ phần L1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022, số công chứng 5813, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 450, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, số vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và ông Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022, số công chứng 5812, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn chịu nghĩa vụ về án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu V không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện, niêm yết và trực tiếp giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Nguyễn Hữu V vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Hữu V, cả hai người có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Tân Hải, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 có mặt tại địa phương.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt còn bị đơn vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và tổng đạt đến ông V bà H1. Ngày 29/4/2025, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn ông V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-TCDS ngày 29/4/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 16/5/2025 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại thôn T, xã H và trụ sở UBND xã H - nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Hữu D.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ điều tra xác minh và thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Tại phiên tòa hôm nay có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng: Nhận thấy ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 và Ngân hàng thương mại cổ phần L1 - Chi nhánh Q đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023 số dư nợ ban đầu: 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn), mục đích vay vốn: Thanh toán mua sắm nội thất trang thiết bị. Thời hạn cho vay: 240 tháng Lãi suất cho vay từ 10,7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ trên, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 đã ký kết các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất 450, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, số vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1.

- Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1.

Xét các Hợp đồng nêu trên được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện; về hình thức, nội dung, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp có đăng ký tài sản bảo đảm tại cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật; vì vậy các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký kết, các bên phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các điều khoản theo các Hợp đồng này.

Về lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023. Lãi suất cho vay có định trong suốt thời gian vay là 10,7%/năm. Lãi suất nợ quá hạn = lãi suất trong hạn

* 150% là phù hợp quy định theo Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên các thỏa thuận về lãi suất là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần L1 - Chi nhánh Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457 Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023, số tiền giải ngân: 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng chẵn)

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ phát sinh. Các khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/05/2024. L2 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 trả nợ nhưng ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023 và theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V, bà H1 trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023 nợ là có cơ sở. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1, tính đến ngày 30/5/2025 số tiền là 3.810.914.682 đồng (Ba tỷ tám trăm mười triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 481.827.125 đồng (Bốn trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 3.579.813 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm mười ba đồng), nợ lãi chậm trả lãi 25.507.744 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm linh bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 cho đến ngày ông V, bà H1 thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023, trong trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 không trả tiền gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 318, 319, 325 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

Tòa án cũng đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo biên bản thẩm định ngày 05/3/2025

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 400; tờ bản đồ số 9; diện tích: 253,2 m²; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và Nguyễn Thị H1. Phía Tây Bắc giáp thửa 399, có kích thước 18,55, phía Đông Bắc giáp đường giao thông có kích thước 16,70m, phía Đông Nam giáp thửa 401, có kích thước 19,81m, phía Tây Nam giáp thửa 92, có kích thước 16,19m. Tổng diện tích đo đạc là 313,4m². Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng có diện tích 140m², có 01 mái tôn có diện tích 114,7m², hàng rào xây bốn phía và hai trụ cổng. Phần nhà ở tầng 1 có diện tích 20,0m² nằm trên đường giao thông (tại các điểm a,b,c,d). Phần mái tôn có diện tích 21,2m² nằm trên đường giao thông (tại các điểm đ,h,f,e). Phần mái tôn có diện tích 19,5m² nằm trên thửa đất 399 (tại các điểm g, f, 3, 10). Hàng rào nằm trên thửa đất 399 có chiều dài 17,17m (từ điểm 1,11). Hàng rào nằm trên đường giao thông và trụ cổng (từ điểm 1,2 và 4,5)

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450; tờ bản đồ số 9; diện tích 270,0 m²; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, số vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và ông Nguyễn Thị H1. Phía Tây Bắc giáp đường giao thông có kích thước 9,54m. Phía Đông bắc giáp thửa 441 có kích thước 27,83m. Phía Đông Nam giáp đường giao thông có kích thước 9,53m. Phía Tây Nam giáp thửa 449 có kích thước 28,87m. Trên đất không có tài sản.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày về phần tài sản xây dựng lấn chiếm trên thửa đất 399 là tài sản của bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Hữu D. Vì vậy ngân hàng chấp nhận tháo dỡ phần tài sản bị đơn xây dựng lấn chiếm qua thửa đất 399.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã H: Nhà ở của ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị H1 thuộc khu vực nông thôn được miễn giấy phép xây dựng. Nhà ở ông Nguyễn Hữu V, bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện việc đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất. Phần Nhà ở tầng 1 có diện tích 20 m² nằm trên đường giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận (Trong đó có 19,92 m² phù hợp với quy hoạch đất ở; 0,08m² phần be mái sân đồ bê tông trên không gian thuộc phạm vi quy hoạch đường giao thông). Chi tiết (có sơ đồ thửa đất kèm theo). Việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 9 tại xã H sẽ làm ảnh hưởng đến tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 của ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Vậy, quan điểm

của UBND xã H đề nghị Tòa án xem xét, xác minh thêm nguồn gốc sử dụng đất của phần diện tích 20 m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích tăng thêm. Ngoài ra, việc xác minh nguồn gốc sử dụng đất đối với phần diện tích tăng thêm cũng là cơ sở để xác định có hay không có hành vi vi phạm hành chính đối với diện tích tăng thêm.

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí, nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 292, 293, 298, 299, 318, 319, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L1. Buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 đến ngày 30/5/2025 số tiền là 3.810.914.682 đồng (Ba tỷ tám trăm mười triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ, ba trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 481.827.125 đồng (Bốn trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn 3.579.813 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm mười ba đồng), nợ lãi chậm trả lãi 25.507.744 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm linh bảy nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4502023457, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4502023457 ngày 30/11/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 thì Ngân hàng thương mại cổ phần L1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 400, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 467998 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 21/05/2018, số vào sổ cấp GCN: CS 01764, được chỉnh lý thay đổi nội dung ngày 17/10/2018 và ngày 19/07/2019 đứng tên ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022167 ngày 22/06/2022, số công chứng 5813, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022167 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 450, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 401234 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 24/07/2019, số vào sổ cấp GCN: CS 02132, đứng tên ông Nguyễn Hữu V và ông Nguyễn Thị H1. Tài sản trên được ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 thế chấp tại L2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HĐTC4502022165 ngày 22/06/2022, số công chứng 5812, quyền số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01 - HĐTC4502022165 ngày 28/11/2023 đã được công chứng tại Văn phòng C1, ngày 22/06/2022.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 108.218.294 đồng (Một trăm linh tám triệu, hai trăm mười tám nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần L1 được nhận lại số tiền 51.754.000 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 23/01/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CHÂU MẠNH CƯỜNG